

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

- Mã chứng khoán: VJC

- Địa chỉ: Số 302/3 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 7108 6668

Fax: 024 3728 1838

- E-mail: [19001886@vietjetair.com](mailto:19001886@vietjetair.com)

2. Nội dung thông tin công bố: Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) đã được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đối với một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/10/2022 tại đường dẫn <https://ir.vietjetair.com/Home/Menu/thong-tin-khac>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

### Tài liệu đính kèm:

- Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
**NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG**

### Vietjet Aviation Joint Stock Company

#### Ha Noi Office:

302/3 Kim Ma St., Ngọc Khanh Ward, Ba Dinh District  
Ha Noi, Viet Nam

☎ +84.024 3728 1828

☎ +84.024 3728 1838

#### Ho Chi Minh Office:

8<sup>th</sup> Floor, Vietjet Plaza  
60A, Trung Son St., Tan Binh Dist, Ho Chi Minh Cty, Viet Nam

☎ +84.028 3547 1866

☎ +84.028 3547 1865

Số: 02-2022/VJC-ĐHĐCĐ-NQ

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET**  
**(Theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“**Công ty**”);
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02- 22/VJC-ĐHĐCĐ-BB ngày 12/10/2022.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua theo Nghị quyết số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022 (theo nội dung Tờ trình số 10-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không VietJet đính kèm).

**Điều 2.** Thông qua việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% dựa trên vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức (theo nội dung Tờ trình số 11-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 và Phụ lục của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không VietJet đính kèm).

**Điều 3.** Thông qua việc điều chỉnh chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty theo Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/9/2022 và các phụ lục đính kèm của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hàng không VietJet.

**Điều 4.** Thông qua việc thành lập hiện diện thương mại tại thị trường nước ngoài (theo nội dung Tờ trình số 13-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không VietJet đính kèm).



**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Phòng/Ban/Đơn vị liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT/BĐH;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THANH HÀ**



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
(Theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

V/v Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“**Điều lệ**”);
- Danh sách cổ đông chốt ngày 26/09/2022 để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản; và
- Căn cứ tổng số phiếu lấy ý kiến cổ đông Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet nhận được tính đến 17h00 giờ ngày 11/10/2022.

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

1. Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (“**Vietjet**”)
2. Địa chỉ trụ sở chính: 302/3 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội, Việt Nam
3. Điện thoại: 02471086668 Fax: 02437281838
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 – đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày cấp 08/10/2020 – nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

**II. BAN KIỂM PHIẾU**

**Thành phần Ban kiểm phiếu:**

- |   |              |
|---|--------------|
| - Bà Nguyễn Thanh Hà, Chủ tịch HĐQT                   | - Trưởng Ban |
| - Ông Tô Việt Thắng, Phó Tổng Giám đốc                | - Thành viên |
| - Bà Lê Xuân Hiếu, Phó Giám đốc Văn phòng Lãnh đạo    | - Thành viên |
| - Ông Trần Lê Minh Nhật, Phó Giám đốc phòng Tài chính | - Thành viên |

**Đại diện giám sát kiểm phiếu**

- |                           |                       |
|---------------------------|-----------------------|
| - Ông Lê Tự Vinh, Cổ đông | - Giám sát kiểm phiếu |
|---------------------------|-----------------------|

Hôm nay, ngày 12/10/2022, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với kết quả kiểm phiếu như sau

**III. CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

1. Tờ trình số 10-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 về thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua theo Nghị quyết số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022
2. Tờ trình số 11-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 về việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% dựa trên vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức

3. Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 về việc điều chỉnh chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty
4. Tờ trình số 13-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 về việc thành lập hiện diện thương mại tại thị trường nước ngoài

#### IV. PHƯƠNG THỨC GỬI PHIẾU BIỂU QUYẾT

Cổ đông hoặc người được ủy quyền biểu quyết thông qua Phiếu lấy ý kiến Cổ đông và gửi Phiếu lấy ý kiến Cổ đông đã trả lời đến Vietjet theo một trong các hình thức sau:

- Gửi trong phong bì dán kín về văn phòng Vietjet theo địa chỉ: Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư – Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet, Tầng 8, Tòa nhà Vietjet Plaza, 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh; hoặc
- Gửi fax: 028 3547 1865; hoặc
- Scan Phiếu lấy ý kiến đã trả lời và gửi tập tin (file) vào địa chỉ thư điện tử (email): [ir@vietjetair.com](mailto:ir@vietjetair.com)

#### V. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

Tổng số cổ đông lấy ý kiến: 6.996 Cổ đông, sở hữu/đại diện 541.611.334 cổ phần, tương ứng với 541.611.334 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Vietjet phát ra: 6.996 phiếu, tương ứng tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietjet.

Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 96 cổ đông, sở hữu và đại diện 508.503.348 cổ phần, tương đương 508.503.348 cổ phần tham gia biểu quyết, đạt tỷ lệ 93,9% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó

Số phiếu biểu quyết hợp lệ 508.503.348/541.611.334 phiếu đạt tỷ lệ 93,9% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0/541.611.334 phiếu, đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

#### Các vấn đề biểu quyết

1. Thông qua Tờ trình số 10-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua theo Nghị quyết số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022

Nội dung	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu xin lấy ý kiến	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu tham gia biểu quyết
Tán thành	478.440.571 / 541.611.334	478.440.571 / 508.503.348
Không tán thành	1.743.194 / 541.611.334	1.743.194 / 508.503.348
Không có ý kiến	28.319.583 / 541.611.334	28.319.583 / 508.503.348
Phiếu không hợp lệ	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>508.503.348 / 541.611.334</b>	<b>508.503.348 / 508.503.348</b>

023  
 CÔNG  
 CỔ  
 HÀNG  
 VII  
 SA ĐÌNH

*Handwritten signature*

2. Thông qua Tờ trình số 11-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% dựa trên vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức

Nội dung	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu xin lấy ý kiến	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu tham gia biểu quyết
Tán thành	508.503.348 / 541.611.334	508.503.348 / 508.503.348
Không tán thành	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
Không có ý kiến	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
Phiếu không hợp lệ	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>508.503.348 / 541.611.334</b>	<b>508.503.348 / 508.503.348</b>

3. Thông qua Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc điều chỉnh chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Nội dung	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu xin lấy ý kiến	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu tham gia biểu quyết
Tán thành	508.503.348 / 541.611.334	508.503.348 / 508.503.348
Không tán thành	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
Không có ý kiến	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
Phiếu không hợp lệ	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>508.503.348 / 541.611.334</b>	<b>508.503.348 / 508.503.348</b>

4. Thông qua Tờ trình số 13-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc thành lập hiện diện thương mại tại thị trường nước ngoài

Nội dung	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu xin lấy ý kiến	Số phiếu biểu quyết/tổng số phiếu tham gia biểu quyết
Tán thành	478.921.761 / 541.611.334	478.921.761 / 508.503.348
Không tán thành	1.262.004 / 541.611.334	1.262.004 / 508.503.348
Không có ý kiến	28.319.583 / 541.611.334	28.319.583 / 508.503.348
Phiếu không hợp lệ	0 / 541.611.334	0 / 508.503.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>508.503.348 / 541.611.334</b>	<b>508.503.348 / 508.503.348</b>



## VI. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua nội dung biểu quyết:

1. Thông qua Tờ trình số 10-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua theo Nghị quyết số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022:
  - Tỷ lệ thông qua 94,09% trên tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
  - Tỷ lệ thông qua 88,34% trên tổng số phiếu xin lấy ý kiến đã gửi.
2. Thông qua Tờ trình số 11-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% dựa trên vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức:
  - Tỷ lệ thông qua 100,00% trên tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
  - Tỷ lệ thông qua 93,89% trên tổng số phiếu xin lấy ý kiến đã gửi.
3. Thông qua Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc điều chỉnh chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:
  - Tỷ lệ thông qua 100,00% trên tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
  - Tỷ lệ thông qua 93,89% trên tổng số phiếu xin lấy ý kiến đã gửi.
4. Thông qua Tờ trình số 13-22/VJC-HĐQT-TT ngày 29/09/2022 của HĐQT về việc thành lập hiện diện thương mại tại thị trường nước ngoài với tỷ lệ:
  - Tỷ lệ thông qua 94,18% trên tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
  - Tỷ lệ thông qua 88,43% trên tổng số phiếu xin lấy ý kiến đã gửi.

Việc kiểm phiếu đã hoàn tất lúc 17 giờ 00 phút ngày 12/10/2022

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau: 01 bản lưu hồ sơ Đại hội, 01 bản gửi văn phòng Hội đồng Quản trị để ra Nghị quyết. Chúng tôi, những thành viên trong Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu cùng chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu này.

### BAN KIỂM PHIẾU

- Bà **Nguyễn Thanh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông **Tô Việt Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà **Lê Xuân Hiếu**  
Phó Giám đốc Văn phòng Lãnh đạo  
Thành viên Ban kiểm phiếu
- Ông **Trần Lê Minh Nhật**  
Phó Giám đốc phòng Tài chính  
Thành viên Ban kiểm phiếu

### GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

- Ông **Lê Tự Vinh**  
Cổ đông



Số: 10 - 22/VJC-HĐQT-TT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

(V/v: Ưu tiên thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIETJET****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (“Vietjet”);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh, nhu cầu huy động vốn của Vietjet và bản chào của Đối tác.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ:

**1. Ưu tiên thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ**

Để tăng cường năng lực tài chính từ nguồn vốn chủ sở hữu chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi và tăng trưởng, HĐQT đề xuất ưu tiên thực hiện phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm đáp ứng nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

**2. Thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ**

Để triển khai phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thứ tự ưu tiên thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua theo Nghị quyết số 01-22/VJC-ĐHĐCĐ-NQ ngày 28/05/2022 như sau:

STT	Phương án tăng vốn điều lệ
1	Phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ
2	Phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu





### 3. Ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

#### Nơi nhận

- Như trên;
- VP.HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THANH HÀ**



Số: 11 - 22/VJC-HĐQT-TT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

(v/v: Điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (“Vietjet”);
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-22/VJC-ĐHCD-NQ ngày 28/05/2022.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) thông qua việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu 20% dựa trên vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021**

Kính trình ĐHĐCD năm 2022 phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2021.

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị</b>
Lợi nhuận sau thuế trong năm	79.659.307.309
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty	74.584.907.230
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2021	11.589.250.587.139
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021	11.281.432.588.734
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:	
Vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ	5.957.724.670.000
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021	5.416.113.340.000
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tối đa theo mệnh giá	541.611.330.000
Tổng giá trị tối đa phát hành theo mệnh giá (tỷ lệ 20%)	1.191.544.930.000
<b>Lợi nhuận còn giữ lại</b>	<b>10.089.887.658.734</b>

Số lượng cổ phiếu và vốn điều lệ dự kiến thay đổi như sau:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021 541.611.334 CP
- Số lượng cổ phiếu Quỹ 0 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ 595.772.467 CP
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 20%) 119.154.493 CP
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu 714.926.960 CP
- Vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu 7.149.269.600.000

## 2. Ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật thực hiện và/hoặc ủy quyền thực hiện phương án sửa đổi, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định tổ chức thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu vào thời điểm thích hợp;
- Thực hiện các thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và các cơ quan hữu quan khác theo quy định pháp luật;
- Các công việc liên quan khác.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN THANH HÀ**

HÀNG KHÔNG  
VIỆT JET  
Q. BA DÌNH - TP. HÀ NỘI

## PHỤ LỤC

### TỜ TRÌNH SỐ 11-22/VJC-HĐQT-TT

(v/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021)

#### **Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### ***Căn cứ:***

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Chi tiết như sau:

#### **I. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH**

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 5.957.724.670.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 595.772.467 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 595.772.467 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 119.154.493 cổ phiếu
- Tổng giá trị tối đa phát hành theo mệnh giá: 1.191.544.930.000 đồng
- Vốn điều lệ tối đa dự kiến sau phát hành: 7.149.269.600.000 đồng
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2021. Cổ phiếu quỹ (nếu có) sẽ không được thực hiện quyền.
- Hình thức: phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức thực hiện: cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:2. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 (một) cổ phiếu sẽ được nhận 1 (một) quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ 10 (mười) quyền sẽ nhận được 02 (hai) cổ phiếu phát hành thêm.
- Nguồn vốn thực hiện: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.
- Cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có) vẫn được quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Chuyển nhượng quyền: người sở hữu quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số cổ phiếu cổ đông nhận được sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.  
*Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 222 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 10:2, khi đó số lượng cổ phiếu ông A nhận được là:  $(222/10) \times 2 = 44,4$  cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ nhận được 44 cổ phiếu. Phần lẻ thập phân (0,4 cổ phiếu) sẽ bị hủy bỏ.*
- Thời gian phát hành dự kiến: Dự kiến phát hành trong năm 2022 hoặc quý 1/2023; sau khi Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sau khi Công ty được UBCKNN chấp thuận cho thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 7.149.269.600.000 đồng.

## II. THÔNG QUA LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG

Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (“HSX”) đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành theo phương án nêu trên.

## III. THÔNG QUA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỈNH SỬA VỐN ĐIỀU LỆ TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY THEO SỐ VỐN TĂNG THÊM SAU KHI CỔ PHIẾU THỰC TẾ PHÁT HÀNH ĐƯỢC

Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền và chỉnh sửa vốn điều lệ trong bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án phát hành nêu trên.

## IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt giao và ủy quyền cho HĐQT và Người Đại diện theo Pháp luật căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định thời điểm phát hành phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc bổ sung hoặc hiệu chỉnh (khi cần thiết) phương án phát hành theo yêu cầu của UBCKNN, HSX và các cơ quan nhà nước khác có liên quan và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, và/hoặc quyết định và thực hiện những công việc mà HĐQT thấy là cần thiết liên quan để thực hiện việc phát hành;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký thay đổi niêm yết tại HSX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án nêu trên;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc phát hành theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

196  
 TY  
 NG  
 HA

- Thực hiện việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; và sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan mà HĐQT thấy là cần thiết để hoàn thành nội dung công việc được giao.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung đã nêu trên.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP.HĐQT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THANH HÀ**

Số: 12-22/VJC-HĐQT-TT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2022

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Hàng không Vietjet)

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020; và
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần Hàng không Vietjet (“**Điều lệ**”).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty cổ phần Hàng không Vietjet (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua việc sửa đổi chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh và các công việc liên quan như sau:

#### **1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh**

Nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động, phát triển của Công ty và phù hợp với Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định số 89/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP, theo đó, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được nâng từ 30% lên 34%. Đồng thời, để đảm bảo tuân thủ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Đấu giá tài sản, Luật Kinh doanh bất động sản, Công ty cần phải tiến hành đăng ký thay đổi chi tiết đối với một số ngành, nghề kinh doanh hạn chế tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài.

Do đó, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt việc sửa đổi chi tiết một số ngành, nghề đã đăng ký trong danh mục ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty. Chi tiết ngành, nghề kinh doanh dự kiến sửa đổi được liệt kê tại Phụ lục 1 - Danh mục ngành, nghề kinh doanh dự kiến sửa đổi đính kèm Tờ trình này.

#### **2. Phê duyệt sửa đổi ngành, nghề kinh doanh vào Điều lệ Công ty**

Để hoàn tất việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Tờ trình này, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc giao cho HĐQT quyết định việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh sau khi đăng ký sửa đổi vào Điều lệ Công ty theo Phụ lục 2 đính kèm Tờ trình này.



**3. Chỉ định thực hiện thủ tục thông báo điều chỉnh tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền**

ĐHĐCĐ chỉ định Bà Nguyễn Thanh Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký sửa đổi ngành, nghề kinh doanh, xin cấp các giấy phép kinh doanh và các thủ tục khác có liên quan tại các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các công việc khác có liên quan theo Tờ trình này.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HĐQT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN THANH HÀ**

32  
01  
GÔ  
AN  
VI  
TH



# PHỤ LỤC 1

## DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN SỬA ĐỔI

(Đính kèm Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT  
ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng quản trị)

Điều chỉnh chi tiết các ngành, nghề kinh doanh sau đây:

STT	Ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Ngành, nghề kinh doanh dự kiến sửa đổi	Mã Ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. <i>Chi tiết: Đại lý máy móc, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền, máy bay; môi giới</i>	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa.  (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).  <i>Chi tiết: Đại lý máy móc, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền, máy bay; môi giới.</i>	4610
2.	Bán buôn thực phẩm.	Bán buôn thực phẩm.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	4632
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</i>	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)  <i>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng</i>	4649

	<p><i>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</i></p> <p><i>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</i></p> <p><i>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</i></p> <p><i>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu</i></p>	<p><i>gốm, sứ, thủy tinh</i></p> <p><i>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.</i></p>	
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.	<p>Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p>	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.	<p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p>	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p>	4659
7.	<p>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.</p> <p><i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị,</i></p>	<p>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng</p>	4711

	<i>cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (trừ gạo, thuốc lá, thuốc láo)</i>	<p>hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác</i></p>	
8.	<p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.</p> <p><i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (trừ gạo, thuốc lá, thuốc láo)</i></p>	<p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</p> <p><i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác</i></p>	4719
9.	<p>Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p><i>Chi tiết: trù lúa, gạo</i></p>	<p>Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p>	4721
10.	<p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.</p> <p><i>Chi tiết: trù đường mía, đường củ cải</i></p>	<p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).</p>	4722
11.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa	4741

	viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.	hàng chuyên doanh.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.  <i>Chi tiết: trừ thuốc</i>	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.  (Trừ dược phẩm và hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia).	4772
13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.  <i>Chi tiết: Bán lẻ: hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức; đồng hồ, kính mắt; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ); máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh; cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE; hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu</i>	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).  <i>Chi tiết: Bán lẻ: hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; đồng hồ, kính mắt; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ); cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE.</i>	4773
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ.  <i>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo; đồ uống có cồn hoặc không cồn; thực phẩm chức năng, thực phẩm đóng gói; thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế)</i>	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	4781
15.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

	<i>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông, thiết bị ngoại vi (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế)</i>	(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	
16.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	4784
17.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ.  <i>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; đồng hồ, kính mắt; gốm sứ, thủy tinh, vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE; hàng hóa khác chưa được phân vào đâu (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế)</i>	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ.  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).  <i>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; đồng hồ, kính mắt; gốm sứ, thủy tinh, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế); cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE.</i>	4789
18.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.  (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.  (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	4791

19.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu.  (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	4799
20.	Công thông tin.  (Trừ Hoạt động báo chí)  <i>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội, hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet; dịch vụ thương mại điện tử</i>	Công thông tin.  (Trừ Hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)  <i>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội, hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet; dịch vụ thương mại điện tử</i>	6312
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản bao gồm: + Đầu tư nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;</i>	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).  <i>Chi tiết: Thực hiện kinh doanh bất động sản theo các hình thức được phép quy định tại Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13.</i>	6810
22.	Đại lý du lịch  <i>Chi tiết: (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)</i>	Đại lý du lịch  <i>Chi tiết: Dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.</i>	7911
23.	Điều hành tua du lịch  <i>(không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)</i>	Điều hành tua du lịch  <i>Chi tiết: Dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.</i>	7912

24.	<p>Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch</p> <p><i>Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);</i></p>	<p>Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch</p> <p><i>Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); dịch vụ lễ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.</i></p>	7990
-----	---	---	------

## PHỤ LỤC 2

### DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số 12-22/VJC-HĐQT-TT  
ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng quản trị)

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm:

1. Vận tải hành khách hàng không: Vận tải hàng không; vận tải hàng không hành khách (theo lịch trình và không theo lịch trình) nội địa và quốc tế.
2. Vận tải hàng hóa hàng không: Vận tải hàng hoá công cộng thường xuyên nội địa và quốc tế.
3. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả, tàu thủy, ô tô; Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa, bao gồm dịch vụ giao nhận hàng hóa; Hoạt động Logistics; Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.
4. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở), Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh.
5. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác.
6. Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
7. Dịch vụ phục vụ đồ uống.
8. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ: hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; đồng hồ, kính mắt; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ); cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
9. Vận tải hành khách đường bộ khác: Dịch vụ vận tải bằng đường bộ.
10. Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không và các nhân viên chuyên ngành khác.
11. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Hoạt động của đại lý bảo hiểm.
12. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).



*Chi tiết: Thực hiện kinh doanh bất động sản theo các hình thức được quy định tại Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13.*

13. Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá).
14. Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô, Cho thuê xe có động cơ khác.
15. Đại lý du lịch: Dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.
16. Điều hành tua du lịch: Dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.
17. Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý máy móc, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền, máy bay; môi giới.  
(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
18. Bán buôn thực phẩm.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
19. Bán buôn đồ uống.
20. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.
21. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
22. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
23. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

24. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

25. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

26. Dịch vụ đóng gói.

27. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

28. Công thông tin (Trừ Hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức): Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, thiết lập mạng xã hội, hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet; dịch vụ thương mại điện tử.

29. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động liên quan đến tài chính, ngân hàng).

30. Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ: hoạt động của phóng viên ảnh): Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại.

31. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.

(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

32. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Bán lẻ trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại và cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.

(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

33. Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.

(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

34. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
35. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
36. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
37. Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ.
38. Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
39. Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
40. Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ thiết bị dụng cụ thể dục thể thao, trò chơi và đồ chơi lưu động hoặc tại chợ.
41. Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; đồng hồ, kính mắt; gốm sứ, thủy tinh, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ (*bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế*); cuộn bọc hành lý, màng nhựa PE.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
42. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.  
(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

43. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu.  
(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản; Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
44. Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; bốc xếp hàng hóa cảng hàng không; bốc xếp hàng hóa loại khác.
45. Hoạt động viễn thông không dây.
46. Hoạt động viễn thông vệ tinh.
47. Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động viễn thông khác, hoạt động đại lý Internet, hoạt động của các điểm truy cập Internet.
48. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển: máy bay.
49. Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.
50. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.  
(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
51. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
52. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
53. Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh.
54. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
55. Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
56. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ đồ chơi được làm từ mọi chất liệu.

57. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
58. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ dược phẩm và hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia).
59. Những ngành, nghề khác theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.



Số: 13-22/VJC-HĐQT-TT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

(V/v: Thành lập hiện diện thương mại tại thị trường nước ngoài)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIETJET**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (“Công ty”),

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua việc thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại thị trường nước ngoài phù hợp với kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

**1. Kế hoạch thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại nước ngoài**

Để triển khai kế hoạch mở rộng mạng bay cũng như hoạt động kinh doanh khác tại các thị trường nước ngoài theo kế hoạch thương mại của Công ty tại từng thời điểm, HĐQT nhận thấy phát sinh nhu cầu thành lập hiện diện thương mại tại quốc gia đó. Do đó, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt việc thành lập hiện diện thương mại bao gồm các văn phòng đại diện và/hoặc công ty con và/hoặc chi nhánh và/hoặc công ty liên doanh, liên kết với doanh nghiệp nước ngoài và/hoặc hình thức khác của Công ty tại nước ngoài tùy theo quy định của từng quốc gia như sau:

- Hiện diện thương mại tại thành phố Sydney và/hoặc Melbourne và/hoặc thành phố khác tại Úc;
- Hiện diện thương mại tại Hoa Kỳ;
- Hiện diện thương mại tại quốc gia khác theo nhu cầu kinh doanh thương mại của Công ty trong từng thời kỳ.

**2. HĐQT quyết định chi tiết nội dung và thực hiện tất cả công việc cần thiết cho việc thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại nước ngoài**

Phù hợp với kế hoạch phát triển ở trên và thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định hoặc ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại nước ngoài theo kế hoạch được nêu tại Tờ trình này và thực hiện tất cả công việc cần thiết tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn:



- Quyết định loại hình/hình thức của hiện diện thương mại, vốn điều lệ, vốn đầu tư, người đại diện và các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập, vận hành, duy trì hoạt động của Công ty tại nước ngoài;
- Thực hiện tất cả thủ tục pháp lý với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam và nước ngoài để thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại nước ngoài và chỉ định, phân công cho các Phòng, Ban, cá nhân liên quan để thực hiện các công việc nêu trên; và
- Các công việc cần thiết khác để thành lập hiện diện thương mại của Công ty tại nước ngoài.

Kính trình ĐHQĐ xem xét và phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THANH HÀ**

